

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HS-PT

Ngày: 26 / 01/ 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;
Ông Trần Xuân Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 724/2025/TLPT-HS ngày 27 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị T bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án số 762/2025/HSST ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ T**, sinh ngày 24/8/1982; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký thường trú: Số 28, ngách 90/6, đường B, phường N, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Không xác định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Dũng T và con bà Bùi Thị C (đã chết); Có 04 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2- Công an thành phố Hà Nội (Có mặt).

- *Người bào chữa*: Luật sư Mai Anh H của Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt).

- ***Bị hại có kháng cáo***: Chị Võ Thị Ngọc A, sinh ngày 25/11/1993; Trú tại: Số 02, Tổ 13, phường K, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV vàng N được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 10/01/2022, mã số doanh nghiệp 0109881388, trụ sở tại: 35 ngõ 603, đường L, phường X, quận T, thành phố Hà Nội, do Nguyễn Thị T là chủ sở hữu - Giám đốc và người đại diện theo pháp luật. Ngày 23/02/2023 cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký lần 1 đổi tên thành Công ty CP tập đoàn tài chính vàng đá quý M do ông Võ Thành M là chủ tịch HĐQT và là người đại diện theo pháp luật. Ngày 19/5/2023 cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký lần 2 do Nguyễn Thị T là chủ tịch HĐQT và là người đại diện theo pháp luật. Công ty không có vốn góp, không hoạt động sản xuất kinh doanh, không báo cáo doanh thu và phát sinh thuế. Trong thời gian này, Nguyễn Thị T và Võ Thanh M nảy sinh tình cảm nam nữ. T giới thiệu với ông M là đã ly hôn chồng, sống tại chung cư Royal City và hiện đang công tác tại Văn phòng Chính phủ giữ Quỹ An sinh quốc gia. Khoảng tháng 8/2022, do cần tiền để sử dụng và chi tiêu cá nhân, trong một lần gặp gỡ, Nguyễn Thị T đã đưa ra thông tin gian dối, giới thiệu với ông Võ Thành M và chị Võ Thị Ngọc A (sinh 1993; trú tại: Tổ 13 phường K, TP Hà Nội - là con gái của ông M) là T có mối quan hệ, đang có suất xin vào biên chế làm việc tại Công ty xổ số kiến thiết Thủ Đô và sau đó xin được mở đại lý bán vé cho Công ty xổ số sẽ có thu nhập rất cao, T có thể xin việc trên cho Ngọc A (lúc này đang làm ở nhà làm nội trợ) với chi phí là 01 tỷ đồng để lo việc, T hứa hẹn khoảng 10 - 12 ngày sau Ngọc A sẽ được vào biên chế của Công ty xổ số kiến thiết. Tin tưởng T, chị Ngọc A đồng ý đưa tiền cho T nhờ xin việc. Từ ngày 30/8/2022 đến ngày 05/9/2022, theo yêu cầu của T, chị Võ Thị Ngọc A đã 03 lần chuyển tiền từ tài khoản số 19031489839028 của chị Ngọc

A mở tại Ngân hàng Techcombank vào tài khoản số 44410000202050 của ông Võ Thành M mở tại Ngân hàng BIDV với tổng số tiền là 900.000.000 đồng. Ngoài ra, chị Ngọc A còn nhờ chồng là anh Vũ Khắc Q (sinh 1990) chuyển 100.000.000 đồng từ tài khoản số 01201098868666 của anh Q mở tại Ngân hàng MBbank vào tài khoản trên của ông M, sao kê ngân hàng thể hiện nội dung chuyển: “*Ngọc A ck*”. Tổng cộng chị Ngọc A đã chuyển là 01 tỷ đồng và gửi hồ sơ xin việc cho ông M chuyển cho T để xin việc cho chị Ngọc A vào biên chế tại Công ty xổ số kiến thiết. Sau khi nhận được tiền trên từ tài khoản, từ ngày 30/8/2022 đến ngày 01/10/2022, ông M đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản số 0011004443637 của Nguyễn Thị T mở tại Ngân hàng Vietcombank với tổng số tiền là 850.000.000 đồng, nội dung sao kê: “*M chuyển tiền*”, còn lại 150.000.000 đồng ông M nhiều lần đưa tiền mặt cho T nhưng không có giấy tờ và chuyển hồ sơ xin việc của chị Ngọc A cho T. Sau khi nhận tiền và hồ sơ của chị Ngọc A thông qua ông M chuyển, T không liên hệ, đưa tiền nhờ xin việc cho chị Ngọc A như đã hứa hẹn, mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Cũng trong cuối tháng 8/2022, T gọi điện cho chị Ngọc A nói dối là chị Ngọc A cần tìm thuê mặt bằng tại khu vực quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để đại diện Công ty xổ số kiến thiết đến khảo sát mở đại lý bán vé. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật, ngày 01/9/2022 chị Ngọc A đã ký Hợp đồng thuê nhà số 290 đường Lê Trọng Tấn, phường Dương Nội, TP Hà Nội của chị Trần Thị Ngọc K (sinh 1972; trú tại: P1202 nhà 29T2 Hoàng Đạo T, phường T, TP Hà Nội) với giá 10.000.000đồng/tháng, thời gian thuê 03 năm kể từ ngày 01/9/2022 đến ngày 01/9/2025, mục đích để mở đại lý bán vé cho Công ty xổ số. Sau đó, chị Ngọc A gửi bản photo Hợp đồng thuê nhà đã ký cho ông M nhờ chuyển cho T. Vài ngày sau, chị Ngọc A gọi điện hỏi T về việc khảo sát địa điểm mở đại lý của Công ty xổ số, T nói dối chị Ngọc A là Công ty xổ số đã cử người đến khảo sát và bảo chị Ngọc A chờ T tiếp tục lo việc.

Đến đầu tháng 12/2022, T tiếp tục gọi điện cho chị Ngọc A nói dối là để có được suất biên chế vào làm việc tại Công ty xổ số và được mở đại lý cho Công ty xổ số, chị Ngọc A phải nộp tổng số tiền chi phí là 15 tỷ đồng, hiện Ngọc A đã nộp cho T 01 tỷ đồng, cần phải nộp thêm cho T 14 tỷ đồng. Chị Ngọc A nói không có tiền, T nói sẽ lo tiền cho chị Ngọc A vay để nộp đủ số tiền 15 tỷ đồng, khi nào xong việc trả lại T, chị Ngọc A đồng ý.

Ngày 05/12/2022, T gọi điện cho chị Ngọc A nói dối là T đã lo được nguồn tiền 14 tỷ đồng vay của “Tân Hoàng Minh” giúp cho chị Ngọc A vay để mở đại lý tại Công ty xổ số và yêu cầu chị Ngọc A chuyển trước 500.000.000 đồng cho T để lo rút tiền ra. Tương thật, chị Ngọc A đã chuyển 450.000.000 đồng vào tài khoản của T.

Tiếp đó, từ ngày 13/01/2023 đến ngày 03/3/2023, theo các yêu cầu do T nài ra như: đi chúc Tết sếp, chi phí cho người giữ tiền Đô la Mỹ của T đang để ở “Tân Hoàng Minh”, lo việc sớm có nguồn tiền cho chị Ngọc A vay để chi phí được mở đại lý bán vé cho Công ty xổ số,..., chị Ngọc A đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản số 0011004443637 mở tại Ngân hàng Vietcombank của Nguyễn Thị T với tổng số tiền 2.268.000.000 đồng, nội dung sao kê ngân hàng ghi: “Ngọc A chuyển tiền” hoặc “Ngọc A ck”.

Tổng cộng, chị Ngọc A đã chuyển cho T số tiền là 3.718.000.000 đồng để xin việc cho chị Ngọc A vào biên chế và mở đại lý bán vé cho Công ty xổ số. Sau khi nhận tiền trên của chị Ngọc A, T không liên hệ, không đưa tiền cho ai để nhờ xin việc trên cho chị Ngọc A như đã hứa hẹn, mà T sử dụng để trả nợ vay cho nhiều cá nhân ngoài xã hội và chi tiêu cá nhân hết.

Quá hạn, không thấy T xin việc như đã hứa hẹn, chị Ngọc A yêu cầu trả lại tiền, T xin khất nhưng không trả tiền, sau đó lần tránh, chị Ngọc A không liên lạc được. Ngày 13/02/2023, T đã chuyển khoản trả cho chị Ngọc A số tiền là 400.000.000 đồng, hiện T còn chiếm đoạt của chị Ngọc A số tiền là 3.318.000.000 đồng. Ngày 22/5/2024, chị Ngọc A đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tố cáo Nguyễn Thị T lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên.

Cơ quan điều tra tiến hành cho chị Võ Thị Ngọc A, ông Võ Thanh M nhận dạng ảnh của Nguyễn Thị T, kết quả chị Ngọc A và ông M nhận ra Nguyễn Thị T là người đã đưa ra thông tin giới thiệu để nhận tiền của chị Ngọc A, hứa hẹn xin được cho chị Ngọc A vào biên chế và làm đại lý cho Công ty xổ số.

Ngày 18/6/2024, Văn phòng Chính Phủ có công văn số 4238/VPCP-TCCB cung cấp: Qua rà soát hồ sơ quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc Văn phòng Chính phủ, không ai có tên là Nguyễn Thị T (sinh 1982, có lai lịch) như Cơ quan điều tra cung cấp).

Xác minh tại Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Thủ đô, cung cấp:

- Từ năm 2022 đến nay, Công ty không có chủ trương tuyển biên chế chính thức vào làm việc tại Công ty, không có ai liên hệ nhờ xin cho cá nhân tên là Võ Thị Ngọc A vào làm việc tại công ty; không có ai tên là Võ Thị Ngọc A (sinh năm 1993, có lai lịch trên) đến thử việc, thực tập, phỏng vấn xin việc tại Công ty. Trong thời gian từ năm 2022 đến nay, Công ty không cử cán bộ đến khảo sát căn nhà Số 290 đường Lê Trọng Tấn, phường La Khê, quận Hà Đông, TP Hà Nội để lấy cơ sở mở địa điểm kinh doanh.

- Theo quy định của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thủ đô tại Điều 16 của Thông tư 75/2013/TT-BTC ngày 04/6/2013: Viên chức quản lý, người lao động đã ký hợp đồng lao động với Công ty Xổ số kiến thiết Thủ đô không được phép mở đại lý bán vé xổ số dưới mọi hình thức. Do vậy, từ năm 2022 đến nay, Công ty Xổ số kiến thiết Thủ đô không tiếp nhận hồ sơ đăng ký mở đại lý của cá nhân tên Võ Thị Ngọc A (sinh năm 1993, có lai lịch trên), chị Ngọc A không phải là đại lý xổ số của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Thủ đô.

Ngày 12/8/2024, Công ty CP tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam (gọi tắt Viettel) có Công văn số 6955 cung cấp: Chủ thuê bao số 0915397828 là Nguyễn Thị T, số căn cước công dân: 008182000334; địa chỉ thường trú: Số 28, ngách 90/6 Đường B, phường N, quận B, TP Hà Nội.

Xác minh kiểm tra, thông tin cá nhân của Nguyễn Thị T xác định:

- Thẻ căn cước công dân số: 008182000334 cấp ngày 24/9/2021, Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH, mang tên Nguyễn Thị T, SN : 24/08/1982; Nơi thường trú: Số 28, ngách 90/6 Đường B, phường N, quận B, TP Hà Nội. Tra cứu dữ liệu quốc gia về dân cư đối với Nguyễn Thị T thể hiện HKTT và chỗ ở tại địa chỉ Số 28 ngách 90/6 Đường B, phường N, quận B, Hà Nội.

- Công an phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội và lời khai của ông Phan Hoài N (sinh 1971, là chồng của Nguyễn Thị T) cung cấp: Nguyễn Thị T (sinh 1982) cùng gia đình đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số 28, ngách 90/6 Đường B thuộc phường N, đến năm 2015 T và gia đình đã bán nhà, chuyển đi nơi khác sinh sống. Anh N và Nguyễn Thị T kết hôn với nhau từ năm 2001 và có 02 con chung, con lớn sinh năm 2003 và con nhỏ sinh năm 2015. Năm 2019, anh N và T

ly thân, không còn chung sống cùng nhau. Hiện anh và các con chung thuê nhà ở tại ngõ 209 Phố H, thành phố Hà Nội, gia đình không biết T ở đâu, làm gì, không còn liên lạc.

Ngày 15/7/2024, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định truy tìm người số 4593 đối với Nguyễn Thị T.

Ngày 27/3/2025, Nguyễn Thị T đã đến Cơ quan điều tra xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi gian dối, hứa hẹn nhận tiền chuyển khoản của chị Võ Thị Ngọc A nhiều lần với tổng số tiền là 3.718.000.000 đồng để xin việc cho chị Ngọc A vào làm biên chế và được mở đại lý tại Công ty xổ số. Bản thân T không có nghề nghiệp ổn định, không có chức năng, khả năng xin việc cho Ngọc A như đã hứa hẹn trên, không biết quy trình điều kiện để được mở đại lý cho Công ty xổ số kiến thiết. Quá trình điều tra ban đầu T khai, T đã nói dối ông Vũ Thành M và chị Ngọc A là do một người đàn ông tên Nguyễn Đăng Đ (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) nói Đ đang có suất biên chế làm việc trong Công ty xổ số và được mở đại lý cho Công ty xổ số, T không giới thiệu bản thân công tác tại Văn phòng Chính phủ. Nhưng sau đó T khai, các thông tin T nói với ông M và chị Ngọc A nêu trên đều không có thật, do T tự nghĩ ra, mục đích để chị Ngọc A tin tưởng chuyển tiền cho T để T chiếm đoạt. Sau khi nhận tiền của chị Ngọc A, T không liên hệ, đưa tiền để nhờ xin việc cho chị Ngọc A như đã hứa hẹn mà T đã sử dụng, chi tiêu cá nhân hết. Ngày 13/02/2023, T đã chuyển khoản trả cho Ngọc A 400.000.000 đồng, còn chiếm đoạt của chị Ngọc A số tiền là 3.318.000.000 đồng.

Ông Trần Công C, sinh 1963/bà Nguyễn Thị P, sinh 1968 - là chủ nhà Số 35 ngõ 603 đường L, tổ 8, phường X, quận T, thành phố Hà Nội, khai: Ngày 01/11/2021, vợ chồng ông C và bà P có cho Nguyễn Thị T (sinh 1982, có lai lịch trên) thuê căn nhà trên, có ký hợp đồng thuê nhà. Hàng tháng, T đều trả tiền thuê nhà đầy đủ cho ông C và bà P, trước cửa căn nhà vợ chồng ông C, bà P thấy có treo biển tên “Công ty TNHH MTV vàng N” trước căn nhà, nhưng không thấy công ty không hoạt động, không thấy ai làm việc tại đây. Từ tháng 3/2023 đến nay, công ty của T đóng cửa, T không trả tiền thuê nhà cho ông C và bà P.

Chị Trần Thị Ngọc K và chị Võ Thị Ngọc A đều khai: Quá trình chị Ngọc A thuê nhà tại địa chỉ Số 290 đường L, phường D, thành phố Hà Nội của chị K để mở đại lý bán vé cho Công ty xổ số theo yêu cầu do T nài ra. Chị Ngọc A không sử dụng nhà thuê, nhưng hàng tháng chị Ngọc A vẫn phải trả tiền thuê nhà cho chị K

hết tổng số tiền là 110.000.000 đồng. Đến tháng 6/2023, chị Ngọc A đề nghị không thuê nữa và trả lại nhà cho chị K, hai bên đã ký biên bản hủy thỏa thuận thuê nhà.

Ngày 14/4/2025, Phòng Đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội có Công văn số 402 cung cấp: Công ty cổ phần tập đoàn tài chính vàng bạc đá quý M, mã doanh nghiệp số 0109881388. Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu ngày 10/01/2022, thay đổi lần 2 ngày 19/5/2023. Tình trạng pháp lý hiện nay: Không hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký.

Kiểm tra sao kê tài khoản số 0011004443637 mở tại Ngân hàng Vietcombank của Nguyễn Thị T, phù hợp với lời khai của bị hại và người liên quan trong vụ án. Hiện số dư tài khoản tính đến ngày 27/3/2023 là: 7.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trên đủ cơ sở để xác định: Nguyễn Thị T đã lừa đảo chiếm đoạt 3.738.000.000 đồng của chị Võ Thị Ngọc A. Sau đó, T đã trả cho chị Ngọc A 400.000.000 đồng, hiện còn chiếm đoạt số tiền 3.328.000.000 đồng.

Đối với Võ Thanh M là người giới thiệu, nhận số tiền 01 tỷ đồng của chị Võ Thị Ngọc A chuyển cho Nguyễn Thị T để nhờ xin cho chị Ngọc A (là con gái của ông M) vào biên chế làm việc và mở đại lý cho Công ty Xổ số kiến thiết. Qua điều tra xác định, M không tham gia bàn bạc, trao đổi, không hưởng lợi, không biết mục đích chiếm đoạt tiền của T, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về đối tượng tên “Nguyễn Đăng Đ” do Nguyễn Thị T khai, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không có thông tin nhân thân lai lịch, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Võ Thị Ngọc A yêu cầu Nguyễn Thị T phải bồi thường số tiền còn chiếm đoạt là 3.328.000.000 đồng và bồi hoàn thiệt hại số tiền thuê nhà 110.000.000 đồng, mà chị Ngọc A đã trả tiền chủ thuê nhà để mở đại lý cho Công ty xổ số theo thông tin do T nài ra.

Về vật chứng, tài sản thu giữ: Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax, lắp sim số điện thoại 0915397828, qua điều tra xác định là công cụ T sử dụng để phạm tội, là vật chứng của vụ án.

Tại Bản án số 762/2025/HS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Mục I, Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết:

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải trả cho bị hại là chị Võ Thị Ngọc A số tiền chiếm đoạt là 3.328.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 110.000.000 đồng. Tổng cộng 3.438.000.000 (Ba tỷ bốn trăm ba mươi tám triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, tuyên các quyền và nghĩa vụ khác.

Ngày 27/10/2025, bị hại Võ Thị Ngọc A kháng cáo với nội dung xem xét tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, tăng mức hình phạt tù, xem xét lại phân trách nhiệm dân sự.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị hại Võ Thị Ngọc A rút một phần kháng cáo về trách nhiệm dân sự, đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đầu thú, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, bị cáo không ăn năn hối cải, không có ý thức khắc phục hậu quả, hoàn cảnh bị hại hiện rất khó khăn, phải vay nợ để trả nợ, đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe, tính nghiêm minh của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận diễn biến hành vi phạm tội nêu trong nội dung bản án sơ thẩm là đúng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 13 năm tù về tội

“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và bị cáo phải bồi thường 3.438.000.000 đồng cho bị hại là có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm hình sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần bị hại rút kháng cáo về trách nhiệm dân sự.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm, án sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đối với bị cáo là có căn cứ, mức hình phạt 13 năm tù đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại Võ Thị Ngọc A làm đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị hại:

[2] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền chi tiêu và trả nợ cá nhân, từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023 bằng thủ đoạn gian dối (có khả năng xin việc biên chế tại Công ty xổ số kiến thiết Thủ Đức và đứng tên mở đại lý chi nhánh bán vé xổ số), Nguyễn Thị T đã lừa đảo và chiếm đoạt của chị Võ Thị Ngọc A tổng số tiền là 3.718.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt số tiền trên bị cáo đã trả nợ và chi tiêu cá nhân, Bị cáo đã hoàn trả cho chị Võ Thị Ngọc A 400.000.000 đồng và đến nay không còn khả năng thanh toán. Ngoài ra, bị cáo còn gây thiệt hại cho chị Võ Thị Ngọc A số tiền thuê cửa hàng là 110.000.000 đồng.

[3] Bị cáo Nguyễn Thị T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm hại quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 3.718.000.000 đồng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật

Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân của bị cáo, áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội 02 lần trở lên, bị áp dụng tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục được 400.000.000 đồng cho bị hại, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng nên kháng cáo của bị hại đề nghị xem xét lại tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là không có căn cứ chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, hoàn cảnh, điều kiện phạm tội, ý thức chấp hành pháp luật, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, sự khoan hồng của pháp luật, đã quyết định mức hình phạt 13 năm tù đối bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bị hại và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và của người bào chữa tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại rút yêu cầu kháng cáo phần này nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Võ Thị Ngọc A và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 46; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2025.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo về trách nhiệm dân sự; Phân trách nhiệm dân sự của Bản án số 762/2025/HSST ngày 15/10/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật kể từ ngày quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị hại Võ Thị Ngọc A không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- CQĐT Công an thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu: HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng